

ĐỐI CHIẾU ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO CỦA THUẬT NGỮ THỜI TRANG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT XÉT TỪ NGUỒN GỐC CỦA YẾU TỐ CẤU TẠO

HOÀNG THỊ HUỆ *

Tóm tắt: Thuật ngữ Thời trang là những từ, cụm từ biểu thị các khái niệm, đối tượng, sự vật, hiện tượng, tính chất, hoạt động,... của ngành Thời trang. Việc nghiên cứu, tìm hiểu về thuật ngữ Thời trang, đặc biệt là so sánh đối chiếu thuật ngữ Thời trang trong tiếng Anh và tiếng Việt, có ý nghĩa thiết thực đối với khoa học và thực tiễn đời sống xã hội ngày nay. Dựa trên các cơ sở lý thuyết và nguồn tư liệu khảo sát thực tế, bài viết nghiên cứu đối chiếu đặc điểm cấu tạo của các thuật ngữ Thời trang trong tiếng Anh và tiếng Việt xét từ nguồn gốc của yếu tố cấu tạo. Từ đó, tác giả rút ra được những nhận xét, đánh giá và so sánh cụ thể nhất về nguồn gốc đa dạng phong phú trong cấu tạo các thuật ngữ Thời trang trong hai ngôn ngữ.

Từ khóa: Đối chiếu, đặc điểm cấu tạo, thuật ngữ Thời trang, nguồn gốc, yếu tố cấu tạo.

Abstract: Fashion terminologies are words and phrases denoting concepts, objects, things, phenomena, properties, activities, etc. of the Fashion industry. A study on Fashion terminologies, especially a contrastive analysis of Fashion terminologies in English and Vietnamese, has a practical significance for scientific research and social life today. Based on theoretical background and actual surveys, the paper presented the structural features of Fashion terminologies in English and Vietnamese in terms of the origin of structural elements. Hence, the

most specific assessments and comparisons about the richly diverse origins of Fashion terminology elements in English and Vietnamese were concluded.

Keywords: Contrastive analysis, structural features, Fashion terminology, origin, structural elements.

1. Đặt vấn đề

So sánh, đối chiếu đặc điểm cấu tạo thuật ngữ trong các hệ ngôn ngữ là một trong những nội dung thiết yếu trong các công trình nghiên cứu về đối chiếu thuật ngữ. Căn cứ vào các tiêu chuẩn về thuật ngữ và dựa vào các tính chất đặc thù chuyên môn của ngành Thời trang, 1.162 thuật ngữ Thời trang tiếng Anh và 1.190 thuật ngữ Thời trang tiếng Việt đã được chúng tôi nhận diện và lựa chọn từ các từ điển, giáo trình chuyên ngành, sách báo, tạp chí về Thời trang bằng tiếng Anh và tiếng Việt để làm cơ sở ngữ liệu khảo sát. Trong số các thuật ngữ này có 12/1.162 thuật ngữ tiếng Anh có dạng viết tắt. Từ đây, chúng tôi sẽ tiến hành miêu tả, so sánh đối chiếu đặc điểm cấu tạo của 1.150 thuật ngữ tiếng

* TS - Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; Email: hoangthihue@dvttdt.edu.vn

Anh và 1.190 thuật ngữ tiếng Việt xét từ nguồn gốc yếu tố cấu tạo.

Thời gian tiến hành nghiên cứu: từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2023.

2. Nội dung

2.1. Một số cơ sở lý thuyết về Thời trang và thuật ngữ Thời trang

2.1.1. Khái niệm Thời trang

Khái niệm *Thời trang (Fashion)* được giải thích trong *Từ điển Oxford* là “*Một phong cách phổ biến, thịnh hành nhất về trang phục, kiểu tóc, trang trí (A popular or the latest style of clothing, hair, decoration, or behaviour)*” [10]. *Từ điển tiếng Việt* giải thích khái niệm *Thời trang* một cách ngắn gọn, đó là “*Cách ăn mặc, trang điểm trong xã hội trong một thời gian nào đó*” [6, tr.956]. Như vậy, có thể hiểu “*Thời trang* là một phong cách thịnh hành về trang phục, giày dép, phụ kiện, trang điểm, kiểu tóc. Bên cạnh đó, thời trang thể hiện những sáng tạo mới nhất của các nhà thiết kế trên trang phục, giày dép, phụ kiện, trang sức, cách trang điểm và kiểu tóc”.

Trong khuôn khổ của bài viết này, khái niệm *Thời trang* được áp dụng để nghiên cứu về các thuật ngữ chỉ những phong cách, xu hướng, kiểu dáng phổ biến và hiện đại của trang phục mặc ngoài, giày dép, phụ kiện, trang sức cũng như các thuật ngữ chỉ con người, sự vật, sự kiện, chất liệu và hoạt động liên quan đến Thời trang; không áp dụng đối với nghiên cứu về các thuật ngữ về trang phục lót, đồ bơi, trang điểm và tóc.

2.1.2. Khái niệm thuật ngữ Thời trang

Từ sự tìm hiểu về những nội dung cơ bản của ngành Thời trang nêu trên, kết hợp với sự nghiên cứu về định nghĩa thuật ngữ, bài viết trình bày khái niệm thuật ngữ Thời trang như sau: *thuật ngữ Thời trang là những từ, cụm từ biểu thị các khái niệm,*

đối tượng, sự vật, hiện tượng, tính chất, hoạt động,... của ngành Thời trang thuộc hai dòng: Thời trang ứng dụng và Thời trang cao cấp. Định nghĩa này sẽ là cơ sở để chúng tôi tiếp tục nghiên cứu các nội dung tiếp theo trong bài viết.

2.1.3. Khái niệm về cấu tạo từ trong thuật ngữ Thời trang tiếng Anh và tiếng Việt

2.1.3.1. Đơn vị cấu tạo từ trong tiếng Anh và tiếng Việt

Trong tiếng Anh, *hình vị (morpheme)* được coi là đơn vị cấu tạo từ. Theo định nghĩa của Richards, Platt và Weber: “*Hình vị là đơn vị có nghĩa nhỏ nhất trong một ngôn ngữ (A morpheme is the smallest meaningful unit in a language)*” [11, tr.183]. Theo tác giả Charles: “*Đơn vị nhỏ nhất có nghĩa được gọi là hình vị (The technical term for a minimal meaningful part is morpheme)*” [8, tr.51]. Như vậy, hình vị được xem là một đơn vị nhỏ nhất có ý nghĩa từ vựng. Theo đó, có hai loại hình vị: *hình vị tự do (free morpheme)* và *hình vị hạn chế (bound morpheme)*.

Hình vị tự do, hay còn gọi là hình vị độc lập, có khả năng xuất hiện với tư cách những từ độc lập hoặc kết hợp với nhiều hình vị khác nhưng nghĩa từ vựng không đổi. Ví dụ: *dress, skirt, cap, ring, bag,...* hay *model* trong *supermodel* (siêu mẫu), *bag* trong *handbag* (túi xách),... Hình vị tự do có khả năng sử dụng độc lập nên hoạt động độc lập trong ngôn ngữ giao tiếp với vai trò của một đơn vị từ vựng.

Hình vị hạn chế, hay còn gọi là hình vị phụ thuộc, chỉ có thể xuất hiện trong tư thế đi kèm, phụ thuộc vào hình vị khác. Để được sử dụng và hoạt động trong ngôn ngữ giao tiếp với vai trò của một đơn vị từ vựng, hình vị hạn chế phải kết hợp với hình vị khác để cấu tạo thành động từ, danh từ hay tính từ. Ví dụ: *-er* trong *designer*; *-able*

trong *fashionable*, *-ion* trong *collection*,... Hình vị hạn chế còn được chia thành hai loại: hình vị biến tố và hình vị phái sinh. *Hình vị biến tố* là những hình vị làm biến đổi dạng thức của từ để biểu thị quan hệ giữa từ này với từ khác trong câu. Ví dụ: *shoes*, *tregging*,... *Hình vị phái sinh* là những hình vị biến đổi một từ hiện có cho một từ mới. Ví dụ: *style* - *stylish*, *design* - *designer*,...

Trong bài viết này, chúng tôi không xét đến *hình vị biến tố* - loại hình vị mang ý nghĩa ngữ pháp, mà chỉ xét đến *hình vị tự do* và *hình vị phái sinh* - loại hình vị mang ý nghĩa từ vựng.

Trong tiếng Việt, khái niệm về hình vị được tác giả Nguyễn Tài Cần định nghĩa: “*Hình vị là đơn vị nhỏ nhất mà có mang ý nghĩa, mang giá trị ngữ pháp*” [1, tr.67]. Đồng quan điểm này, nhóm tác giả Mai Ngọc Chừ, Hoàng Trọng Phiến, Vũ Đức Nghiệu nêu rõ: “*Hình vị là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất có nghĩa và/hoặc có giá trị (chức năng) về mặt ngữ pháp*” [2, tr.139-142].

Bài viết kế thừa quan điểm của các nhà khoa học Âu Mỹ và các nhà Việt ngữ, thống nhất coi hình vị là đơn vị nhỏ nhất dùng để cấu tạo từ trong tiếng Anh và tiếng Việt. Hình vị được hiểu là đơn vị nhỏ nhất có ý nghĩa từ vựng, là đơn vị giới hạn cuối cùng khi phân tích các yếu tố cấu tạo từ.

2.1.3.2. Yếu tố cấu tạo thuật ngữ Thời trang

Về hình thức cấu tạo thuật ngữ, tác giả Lechik V. M. quan niệm: thuật ngữ là từ đơn và thuật ngữ không phải là từ đơn (mà là từ ghép và cụm từ) [dẫn theo [9]]. Bên cạnh đó, các nhà khoa học tiêu biểu như Lotte D. S., Daninenko V. P. và Kandelijaki T. L. cũng xác định rõ yếu tố cấu tạo thuật ngữ: “*Thuật ngữ có thể gồm một hay hơn một yếu tố cấu tạo thuật ngữ. Mỗi yếu tố thuật ngữ tương ứng với khái niệm hay tiêu*

chí của khái niệm trong lĩnh vực chuyên môn nào đó” [dẫn theo [5], tr.20].

Theo quan điểm của chúng tôi, thuật ngữ là từ đơn có yếu tố cấu tạo là một hình vị (hình vị tự do); thuật ngữ là từ phái sinh có yếu tố cấu tạo là hình vị tự do + phụ tố; thuật ngữ là từ ghép có yếu tố cấu tạo là hai hình vị tự do trở lên; thuật ngữ là cụm từ có yếu tố cấu tạo là một tổ hợp từ (gồm hai hình vị trở lên). Một yếu tố cấu tạo thuật ngữ luôn chứa một khái niệm hoặc một phần khái niệm, hoặc một đặc trưng tiêu biểu của ngành khoa học hoặc lĩnh vực chuyên môn nào đó.

Căn cứ các khái niệm cấu tạo từ đã xác định, chúng tôi phân chia các thuật ngữ Thời trang tiếng Anh thành thuật ngữ có cấu tạo là *từ* (bao gồm từ đơn, từ ghép và từ phái sinh) và thuật ngữ có cấu tạo là *cụm từ định danh*. Thuật ngữ Thời trang tiếng Việt cũng được phân chia thành thuật ngữ có cấu tạo là *từ* (bao gồm từ đơn, từ ghép) và thuật ngữ có cấu tạo là *cụm từ định danh*. Theo đó, thuật ngữ là từ đơn sẽ có một yếu tố; thuật ngữ là từ ghép, từ phái sinh và cụm từ định danh sẽ có ít nhất hai yếu tố.

2.2. Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ Thời trang tiếng Anh và tiếng Việt xét từ nguồn gốc của yếu tố cấu tạo

2.2.1. Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ Thời trang tiếng Anh xét từ nguồn gốc của yếu tố cấu tạo

Căn cứ sự tra cứu từ điển [theo [10] và [13]], chúng tôi nhận thấy, các thuật ngữ Thời trang có sự vay mượn từ nguồn gốc của tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp. Bên cạnh đó có sự xuất hiện không đáng kể của một số thuật ngữ có nguồn gốc tiếng Anh cổ.

Gốc từ tiếng Latinh: tiếng Latinh là ngôn ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ gốc Ý của ngữ

hệ Ấn - Âu. Nhiều từ trong các ngôn ngữ hiện đại ngày nay như tiếng Anh đều dựa trên tiếng Latinh. Đặc biệt là các từ tiếng Anh có tính học thuật đều bắt nguồn từ tiếng Latinh.

Gốc từ tiếng Hy Lạp: tiếng Hy Lạp không có ảnh hưởng sâu đậm và liên tục như tiếng Latinh đối với tiếng Anh. Tuy nhiên, các gốc từ tiếng Hy Lạp cũng được vay mượn trong tiếng Anh học thuật để thể hiện những khái niệm khoa học.

Gốc từ tiếng Anh cổ: vào thế kỷ thứ V, người Anglo-Saxon (bao gồm ba tộc người Đức là Saxon, Angle và Jute) từ Đan Mạch và vùng Tây Bắc nước Đức di cư sang quần đảo Anh. Ba tộc người này đồng nhất sự khác biệt giữa thổ ngữ của họ và sử dụng chung một thứ ngôn ngữ gọi là tiếng Anh cổ (hay tiếng Anglo-Saxon). Tiếng Anh cổ tồn tại trong giai đoạn từ năm 450 - 1100 sau Công nguyên. Sau năm 1100 sau Công nguyên, tiếng Anh cổ bị thay thế bởi tiếng Anh trung đại và tiếng Anh hiện đại. Tuy nhiên, đến nay, chúng ta vẫn tìm thấy một số gốc từ tiếng Anh cổ tồn tại trong tiếng Anh hiện đại.

2.2.1.1. Thuật ngữ Thời trang tiếng Anh là từ đơn

Theo khảo sát của chúng tôi, trong số 1.150 đơn vị thuật ngữ tiếng Anh, xuất hiện 143 thuật ngữ là từ đơn (cấu tạo 1 yếu tố) (chiếm 12,47%).

Nguồn gốc yếu tố cấu tạo của các thuật ngữ Thời trang tiếng Anh là từ đơn được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1. Nguồn gốc cấu tạo thuật ngữ Thời trang tiếng Anh là từ đơn

TT	Nguồn gốc cấu tạo	Ví dụ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Gốc từ tiếng Latinh: <i>form</i> (khuôn, hình dạng)	<i>uniform</i>	02	0,17%
2	Gốc từ tiếng Anh	<i>dress</i>	141	12,3%
Tổng			143/1.150	12,47%

Số liệu khảo sát ở Bảng 1 cho thấy, thuật ngữ Thời trang tiếng Anh là từ đơn có sử dụng yếu tố gốc từ tiếng Latinh nhưng tỉ lệ vay mượn không đáng kể (2/143 thuật ngữ, chiếm 0,17%). Số lượng từ đơn còn lại là gốc từ tiếng Anh chiếm số lượng lớn với 141 thuật ngữ (12,3%). Không có sự hiện diện của thuật ngữ có gốc từ tiếng Hy Lạp và tiếng Anh cổ.

2.2.1.2. Thuật ngữ Thời trang tiếng Anh là từ ghép

Với số liệu 1.150 thuật ngữ tiếng Anh, chúng tôi khảo sát được 652 thuật ngữ là từ ghép (chiếm 56,7%). Các thuật ngữ là từ ghép này có cấu tạo từ 2 đến 3 yếu tố.

Nguồn gốc yếu tố cấu tạo của các thuật ngữ Thời trang tiếng Anh là từ ghép được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. Nguồn gốc cấu tạo thuật ngữ Thời trang tiếng Anh là từ ghép

TT	Nguồn gốc cấu tạo	Ví dụ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Gốc từ tiếng Latinh:		13	1,13%
	<i>anima</i> (hơi thở, sự sống)	<i>animal print</i>	01	
	<i>aqua</i> (nước)	<i>aquamarine</i>	01	
	<i>form</i> (khuôn, hình dạng)	<i>flatfom</i>	07	
	<i>neutr</i> (trung tính)	<i>neutral heels</i>	04	
2	Gốc từ tiếng Hy Lạp: <i>graph</i> (viết)	<i>graphic gown</i>	03	0,26%
3	Gốc từ tiếng Anh cổ: <i>min</i> (nhỏ)	<i>mini skirt</i>	09	0,78%
4	Gốc từ tiếng Anh	<i>runway</i>	627	54,53%
Tổng			652/1.150	56,7%

Số liệu khảo sát ở Bảng 2 cho thấy, trong số 652 thuật ngữ Thời trang tiếng Anh là từ ghép có 13 thuật ngữ có nguồn gốc từ tiếng Latinh (1,13%), 03 thuật ngữ vay mượn gốc từ tiếng Hy Lạp (0,26%), 09 thuật ngữ có gốc từ tiếng Anh cổ (0,78%). Số lượng thuật ngữ nguồn gốc tiếng Anh chiếm số lượng lớn nhất với 627 thuật ngữ (54,53%).

2.2.1.3. Thuật ngữ Thời trang tiếng Anh là từ phái sinh

Trong tổng số 1.150 thuật ngữ Thời trang tiếng Anh, chúng tôi khảo sát được 38 thuật ngữ tiếng Anh là từ phái sinh (chiếm 3,33%). Các thuật ngữ này cấu tạo gồm 2 yếu tố, tạo thành bởi một hình vị tự do (gốc từ) kết hợp với một tiền tố hoặc một hậu tố.

Nguồn gốc yếu tố cấu tạo thuật ngữ là từ phái sinh được thể hiện trong Bảng 3.

Bảng 3. Nguồn gốc cấu tạo thuật ngữ Thời trang tiếng Anh là từ phái sinh

TT	Nguồn gốc cấu tạo	Ví dụ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Gốc từ tiếng Latinh: <i>able</i> (có khả năng, có tính chất)	<i>fashionable</i>	04	0,35%
2	Gốc từ tiếng Hy Lạp:		05	0,44%
	<i>mono</i> (đơn, một)	<i>monochromatic</i>	03	
	<i>ism</i> (trường phái, đảng phái)	<i>minimalism</i>	01	
	<i>ist</i> (người, nghề nghiệp)	<i>stylist</i>	01	
3	Gốc từ tiếng Anh cổ: <i>less</i> (không có, không tồn tại)	<i>sleeveless</i>	10	0,88%
4	Gốc từ tiếng Anh	<i>designer</i>	19	1,66%
Tổng			38/1.150	3,33%

Số liệu khảo sát ở Bảng 3 cho thấy, trong số 38 thuật ngữ Thời trang tiếng Anh là từ phái sinh xuất hiện 04 thuật ngữ có nguồn gốc từ tiếng Latinh (0,35%) và 05 thuật ngữ vay mượn gốc từ tiếng Hy Lạp (0,44%). Bên cạnh đó, sự vay

mượn gốc từ tiếng Anh cổ được hiện diện ở 10 thuật ngữ (0,88%). Số lượng thuật ngữ có gốc từ tiếng Anh là 19 thuật ngữ (1,66%).

2.2.1.4. Thuật ngữ Thời trang tiếng Anh là cụm từ định danh

Theo sự khảo sát của chúng tôi, số lượng thuật ngữ tiếng Anh là cụm từ định danh chiếm tỉ lệ tương đối cao (316 thuật ngữ, chiếm 27,5%).

Nguồn gốc các yếu tố cấu tạo thuật ngữ là cụm từ định danh được mô tả ở Bảng 4.

Số liệu khảo sát ở Bảng 4 cho thấy, trong số 316 thuật ngữ Thời trang tiếng Anh là cụm từ định danh chỉ có 07 thuật ngữ có nguồn gốc từ tiếng Latinh (0,61%). Số lượng thuật ngữ nguồn gốc tiếng Anh

chiếm số lượng lớn nhất với 309 thuật ngữ (26,89%). Không có sự xuất hiện của thuật ngữ vay mượn gốc từ tiếng Hy Lạp và tiếng Anh cổ.

Như vậy, tiếng Anh hiện đại đang được sử dụng rộng rãi ngày nay đã trải qua một bề dày lịch sử phát triển và là

sự kết hợp, giao thoa của nhiều ngôn ngữ khác trên thế giới.

Bảng 4. Nguồn gốc cấu tạo thuật ngữ Thời trang tiếng Anh là cụm từ định danh

TT	Nguồn gốc cấu tạo	Ví dụ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Gốc từ tiếng Latinh:		07	0,61%
	<i>bi</i> (hai)	<i>bifold long wallet purse</i>	01	
	<i>semi</i> (bán, một nửa)	<i>semi-circular skirt</i>	06	
2	Gốc từ tiếng Anh	<i>hidden button down collar</i>	309	26,89%
Tổng			316/1.150	27,5%

2.2.2. Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ Thời trang tiếng Việt xét từ nguồn gốc của yếu tố cấu tạo

Từ kết quả khảo sát và phân tích số liệu, chúng tôi nhận thấy, bên cạnh các thuật ngữ sử dụng yếu tố thuần Việt còn có sự xuất hiện của các thuật ngữ sử dụng yếu tố gốc từ Hán Việt và gốc từ Ấn - Âu.

Từ thuần Việt: còn được gọi là lớp từ bản ngữ hoặc lớp từ thuần [theo [2], tr.213-219].

Từ Hán Việt: được xác định là những từ gốc Hán du nhập vào tiếng Việt. Người Việt đã đọc các từ này theo hệ thống ngữ âm của tiếng Việt và họ duy trì cách đọc đó cho đến bây giờ [theo [2], tr.213-219].

Từ Ấn - Âu: chủ yếu là từ gốc Pháp và gốc Anh. Các từ gốc Pháp được du nhập vào tiếng Việt ở giai đoạn giữa thế kỷ XIX khi người Pháp chính thức xâm lược và đô hộ nước ta. Đã có rất nhiều từ tiếng Việt có sử dụng yếu tố gốc Pháp thông qua con đường khẩu ngữ, ngôn ngữ chính thức trong giáo dục nhà trường và giao tiếp hành chính thông thường. Tiếng Việt cũng có tiếp nhận nguồn gốc từ tiếng Anh do sự phát triển và hội nhập quốc tế của các ngành khoa học trên thế giới hiện nay.

2.2.2.1. Thuật ngữ Thời trang tiếng Việt là từ đơn

Trong số 1.190 thuật ngữ Thời trang tiếng Việt được lựa chọn khảo sát, có sự hiện diện của 33 từ đơn (2,77%).

Nguồn gốc của yếu tố cấu tạo của 33 thuật ngữ

tiếng Việt là từ đơn được trình bày trong Bảng 5.

Bảng 5. Nguồn gốc cấu tạo thuật ngữ Thời trang tiếng Việt là từ đơn

TT	Nguồn gốc cấu tạo	Ví dụ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Gốc từ thuần Việt	<i>áo</i>	16	1,34%
2	Gốc từ Ấn - Âu	<i>mix</i>	17	1,43%
Tổng			33/1.190	2,77%

Số liệu khảo sát tại Bảng 5 cho thấy, trong số 33 thuật ngữ Thời trang tiếng Việt là từ đơn xuất hiện 16 thuật ngữ là từ đơn có nguồn gốc từ thuần Việt (1,34%), 17 thuật ngữ có nguồn gốc từ Ấn - Âu (1,43%); không có sự hiện diện của thuật ngữ sử dụng yếu tố Hán Việt.

2.2.2.2. Thuật ngữ Thời trang tiếng Việt là từ ghép

Số lượng 549 thuật ngữ (46,13%) tiếng Việt là từ ghép được chúng tôi xác định nguồn gốc các yếu tố cấu tạo trong Bảng 6.

Nguồn gốc cấu tạo của các thuật ngữ là từ ghép rất đa dạng và phong phú. Theo khảo sát, có 79 thuật ngữ có nguồn gốc là từ thuần Việt (6,64%), 286 thuật ngữ có nguồn gốc là từ Hán Việt (24,03%), 10 thuật ngữ có nguồn gốc là từ Ấn - Âu (0,84%), 145 thuật ngữ có nguồn gốc là từ thuần Việt + Ấn - Âu (12,19%) và 29 thuật ngữ có nguồn gốc là từ Hán Việt + Ấn - Âu (2,43%).

Với số liệu khảo sát trên, các thuật ngữ tiếng Việt là từ ghép có sử dụng yếu tố kết

Bảng 6. Nguồn gốc cấu tạo thuật ngữ Thời trang tiếng Việt là từ ghép

TT	Nguồn gốc cấu tạo	Ví dụ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Gốc từ thuần Việt	<i>bộ cánh</i>	79	6,64%
2	Gốc từ Hán Việt	<i>cổ vấn phong cách</i>	286	24,03%
3	Gốc từ Ấn - Âu	<i>đầm cocktail</i>	10	0,84%
4	Gốc từ thuần Việt + Ấn - Âu	<i>màu pastel</i>	145	12,19%
5	Gốc từ Hán Việt + Ấn - Âu	<i>họa tiết Pop art</i>	29	2,43%
Tổng			549/1.190	46,13%

hợp thuần Việt + Ấn - Âu chiếm tỉ lệ nhiều nhất, kế tiếp là các thuật ngữ có sử dụng yếu tố Hán Việt. Các thuật ngữ là từ thuần Việt, thuật ngữ có sử dụng yếu tố Ấn - Âu và yếu tố kết hợp Hán Việt + Ấn - Âu chiếm số lượng ít.

2.2.2.3. Thuật ngữ Thời trang tiếng Việt là cụm từ định danh

Chúng tôi tiến hành khảo sát nguồn gốc yếu tố cấu tạo của 608 thuật ngữ (51,1%) tiếng Việt là cụm từ định danh. Số liệu phân tích được thể hiện trong Bảng 7.

Bảng 7. Nguồn gốc cấu tạo thuật ngữ Thời trang tiếng Việt là cụm từ định danh

TT	Nguồn gốc cấu tạo	Ví dụ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Gốc từ thuần Việt	áo cổ thuyền	96	8,1%
2	Gốc từ Hán Việt	bộ phối tối giản	252	21,17%
3	Gốc từ thuần Việt + Ấn - Âu	áo cổ vest	218	18,31%
4	Gốc từ Hán Việt + Ấn - Âu	gu thẩm mỹ độc tôn	36	3,02%
5	Hỗn hợp (thuần Việt + Hán Việt + Ấn - Âu)	đầm công sở cổ vest	06	0,5%
Tổng			608/1.190	51,1%

Các thuật ngữ tiếng Việt là cụm từ định danh cũng có nguồn gốc cấu tạo đa dạng và phong phú. Theo phân tích bảng khảo sát, có 96 thuật ngữ có nguồn gốc là từ thuần Việt (8,1%), 252 thuật ngữ có nguồn gốc là từ Hán Việt (21,17%), 218 thuật ngữ có nguồn gốc là sự kết hợp của yếu tố thuần Việt + Ấn - Âu (18,31%), 36 thuật ngữ có nguồn gốc là sự kết hợp của yếu tố Hán Việt + Ấn - Âu (3,02%), 06 thuật ngữ có nguồn gốc là sự kết hợp yếu tố thuần Việt + Hán Việt + Ấn - Âu (0,5%).

Từ kết quả khảo sát như đã phân tích ở trên, các thuật ngữ tiếng Việt là cụm từ có sử dụng yếu tố Hán Việt chiếm số lượng nhiều nhất, tiếp đến là các thuật ngữ có sử dụng yếu tố kết hợp thuần Việt + Ấn - Âu. Các thuật ngữ có sử dụng yếu tố kết hợp

thuần Việt + Ấn - Âu chiếm số lượng ít và thuật ngữ có chứa yếu tố kết hợp hỗn hợp (từ thuần Việt + Hán Việt + Ấn - Âu) hiện diện với số lượng không đáng kể.

2.3. Điểm tương đồng và khác biệt về đặc điểm cấu tạo thuật ngữ Thời trang tiếng Anh và tiếng Việt xét từ nguồn gốc của yếu tố cấu tạo thuật ngữ

Từ sự miêu tả, phân tích và so sánh các thuật ngữ Thời trang tiếng Anh và tiếng Việt xét từ nguồn gốc yếu tố cấu tạo, chúng tôi xác định các điểm tương đồng và khác

biệt giữa chúng.

2.3.1. Điểm tương đồng

Thuật ngữ Thời trang tiếng Anh và tiếng Việt đều có sự vay mượn gốc từ. Gốc từ Latinh (Ấn - Âu) xuất hiện trong sự

vay mượn gốc từ của hai ngôn ngữ.

Yếu tố gốc từ vay mượn có thể được dùng nguyên bản (giữ nguyên gốc từ) trong các thuật ngữ là từ đơn hoặc được sử dụng kèm một từ khác để tạo thành thuật ngữ là từ ghép, thuật ngữ là từ phái sinh và thuật ngữ là cụm từ định danh.

2.3.2. Điểm khác biệt

Trong thuật ngữ Thời trang tiếng Anh và tiếng Việt có sự khác biệt rõ rệt về nguồn gốc giữa các yếu tố cấu tạo. Nếu thuật ngữ tiếng Anh có sử dụng các nguồn gốc từ tiếng Latinh, tiếng Hy Lạp và tiếng Anh cổ thì thuật ngữ tiếng Việt có nhiều nguồn gốc, đó là: từ thuần Việt, từ Hán Việt, từ Ấn - Âu, hoặc sử dụng sự kết hợp hỗn hợp của từ thuần Việt + từ Ấn - Âu, từ Hán Việt +

từ Ấn - Âu, từ thuần Việt + từ Hán Việt + từ Ấn - Âu. Trong số đó, các thuật ngữ gốc Hán Việt chiếm tỉ lệ cao nhất, tiếp đến là các thuật ngữ có sử dụng yếu tố kết hợp thuần Việt + Ấn - Âu.

2.3.3. Nguyên nhân của sự vay mượn gốc từ của thuật ngữ Thời trang tiếng Anh và tiếng Việt

Trong số các thuật ngữ Thời trang tiếng Anh, có một số lượng nhất định các thuật ngữ được xác định có nguồn gốc cấu tạo từ các gốc từ tiếng Latinh, tiếng Hy Lạp. Thời kỳ Phục hưng ở Châu Âu (1500 - 1600) bắt nguồn từ Italy và tràn tới Anh qua Pháp, đã tạo ra sự đổ bộ của hàng trăm gốc từ Latinh và Hy Lạp vào tiếng Anh, mang theo nguồn từ mới khổng lồ cho ngôn ngữ nơi đây. Những tư tưởng mới, hoặc cái cũ được tái phát hiện trong giai đoạn này không có đủ từ ngữ để miêu tả trong tiếng Anh. Do đó, tiếng Anh đã mượn thêm từ gốc tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp khiến từ vựng tiếng Anh tăng lên rất nhiều.

Trong hệ thuật ngữ Thời trang tiếng Việt, một số lượng các thuật ngữ được xác định có nguồn gốc từ tiếng Hán và từ Ấn - Âu. Hiện tượng này được giải thích bằng các lý do sau:

Thứ nhất, thuật ngữ Thời trang tiếng Việt có sự tiếp nhận nguồn gốc từ tiếng Hán, bởi vì do sự tiếp giáp địa lý và giao lưu văn hóa, thương mại, tiếng Việt đã có quá trình tiếp xúc với tiếng Hán từ rất lâu đời với nhiều giai đoạn khác nhau. Quá trình tiếp xúc này cung cấp cho từ vựng tiếng Việt hai nguồn gốc từ Hán, đó là các từ gốc Hán và các từ Hán Việt. Các từ gốc Hán nói chung và từ Hán Việt nói riêng, có vị trí rất đặc biệt trong từ vựng tiếng Việt. Chúng có số lượng rất lớn và năng lực sản sinh rất mạnh. Chúng gia nhập vào mọi lĩnh

vực giao tiếp của đời sống người Việt, và trong lĩnh vực Thời trang đang phát triển hiện nay. Tiếng Việt đã sử dụng yếu tố Hán Việt với hai mục đích: bổ sung những từ vựng còn thiếu và tạo ra một lớp từ có sắc thái nghĩa khác với các từ đã có trong tiếng Việt.

Thứ hai, hệ thuật ngữ Thời trang tiếng Việt có sự tiếp nhận nguồn gốc của các từ ngữ hệ Ấn - Âu. Bộ phận từ ngữ này du nhập vào tiếng Việt từ khi nước ta bị người Pháp xâm lược và chịu ảnh hưởng trực tiếp từ quá trình tiếp xúc với họ (vào giữa thế kỉ XIX). Vừa bằng con đường khẩu ngữ, vừa qua con đường chính thức trong giáo dục nhà trường và giao tiếp hành chính, hàng loạt từ gốc Pháp đã du nhập vào tiếng Việt. Tuy nhiên, hiện nay, sự du nhập các từ gốc Anh vào tiếng Việt lại đang gia tăng mạnh mẽ. Nhìn chung, các từ ngữ gốc Ấn - Âu (chủ yếu là gốc Pháp và gốc Anh) đã thâm nhập khá nhiều vào tiếng Việt trong tất cả các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực Thời trang. Sự hòa nhập của các gốc từ Ấn - Âu vào trong tiếng Việt nói chung và trong hệ thuật ngữ Thời trang tiếng Việt nói riêng đã góp phần làm giàu thêm vốn từ vựng tiếng Việt.

3. Kết luận

Qua nghiên cứu, phân tích và so sánh đối chiếu, bài viết đã chứng minh thuật ngữ Thời trang trong tiếng Anh và tiếng Việt có nhiều điểm tương đồng và khác biệt về nguồn gốc của yếu tố cấu tạo thuật ngữ. Từ nhiều con đường hình thành và sự du nhập ngôn ngữ khác nhau, cùng với sự ảnh hưởng của lịch sử, chính trị và các yếu tố xã hội, các thuật ngữ Thời trang tiếng Anh và tiếng Việt đều có sự phong phú, đa dạng về nguồn gốc của yếu tố cấu tạo thuật ngữ. Các kết quả nghiên cứu trên là nguồn thông tin hữu ích cho các nghiên cứu chuyên sâu về từ vựng và đối chiếu từ vựng, đồng thời

góp phần làm tư liệu phục vụ giảng dạy ngôn ngữ và biên soạn từ điển song ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Tài Cẩn, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1994.
- [2] Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến, *Cơ sở Ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997.
- [3] Hoàng Thị Huệ, *Đối chiếu thuật ngữ Thời trang Anh - Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 2019.
- [4] Hoàng Thị Huệ, “Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ Thời trang tiếng Anh”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa*, Số 02 (14), Tháng 5.2022.
- [5] Hà Quang Năng, Nguyễn Văn Lợi, Lê Thị Lệ Thanh, Quách Thị Gấm, Trịnh Thị Thu Hiền, Hà Thị Quế Hương, *Thuật ngữ học - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2012.
- [6] Nhiều tác giả, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2003.
- [7] Antia, B. E., *Terminology and Language Planning*, John Benjamins Publishing Company, Amsterdam, 2000.
- [8] Charles, W. K., *Introducing English semantics*, Routledge, London, 1998.
- [9] Leichik, V. M., *Thuật ngữ học: Đối tượng, phương pháp, cấu trúc*, in lần thứ tư, Nxb. Librokom, Moskva, (Tài liệu tiếng Nga), 2009.
- [10] *Oxford English Dictionary*, 7th Edition, Oxford University Press, Oxford, 2012.
- [11] Richards, J., Platt, J., and Weber, H., *Longman Dictionary of Applied Linguistics*, Longman, London, 1987.
- [12] Sager, J. C., *Practical Course in Terminology Processing*, John Benjamins Publishing Company, Amsterdam, 1990.
- [13] *Webster's New Word Dictionary*, 5th Edition, William Morrow, New York, 2016.